TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ..... /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Loan.
2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 31tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Chị Trần Thị Thu L, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T2, xã TS, TP. P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Bùi Quang Th, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T2, xã TS, TP. P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021, tại bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trần Thị Thu L bày:

Về hôn nhân: Chị L với anh Th sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã TS, TP. P, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận kết hôn số: 66, ngày 26/12/2016. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ

chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, chị L thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn vơi anh Th.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Quang Thuận, sinh ngày 18/01/2018 hiện nay con chung đang sống cùng chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Quang Th: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Quang Th mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Th vắng mặt nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị L và anh Th mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Giao cho chị L nuôi cháu Bùi Quang Thuận, sinh ngày 18/01/2018 là phù hợp và có căn cứ. Việc cấp dưỡng không yêu cầu và tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Thu L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Bùi Quang Th có địa chỉ: Thôn T2, xã TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là anh Bùi Quang Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu L và anh Bùi Quang Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã TS, TP. P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 66, ngày 26/12/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị L và anh Th là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Th. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án anh Th cũng không có ý kiến thể hiện mong muốn đoàn tụ vợ chồng, từ đó cho thấy anh Th không có thiện chí để Tòa án hòa giải đoàn tụ mà để mặc. Từ căn cứ trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị L và anh Th là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn tôn trọng, chăm sóc nhau trong khoảng thời gian dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Quang Thuận, sinh ngày 18/01/2018 hiện nay con chung đang sống cùng chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con vì con đang còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ. Yêu cầu của chị L có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu L.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thu L được ly hôn với anh Bùi Quang Th.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Quang Thuận, sinh ngày 18/01/2018 hiện nay con chung đang sống cùng chị L.

Giao con chung là cháu Bùi Quang Thuận, sinh ngày 18/01/2018 cho chị Trần Thị Thu L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thuận đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0012218, ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Thu L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. P;
- Chi cục THADS tp P;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã TS, TP. P, Gia Lai
GCNKH số:66, ngày 26/12/2016;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P, ngày 28 tháng 10 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Xuân Hồng**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Trần Thị Lê Na** và ông **Ngô Xuân Dệt**

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 28/10/2016, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Tường Nhi với bị đơn là anh Trần Quang Vinh.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của những người thạm gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tường Nhi.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Tường Nhi được ly hôn với anh Trần Quang Vinh.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Bảo Nam, sinh ngày 16/5/2015 cho chị Phạm Thị Tường Nhi được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và các nội dung khác:

- Về án phí: Chị Phạm Thị Tường Nhi phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002818 ngày 29/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Nhi đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm; đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**